

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 7 – 7 – 2017.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hồng Hiệp

2. Ông Nguyễn Văn Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buối– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2017/TLST–HNGĐ, ngày 02/03/2017, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXX-ST, ngày 13/6/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Nơi cư trú: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Võ Điều H.

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N 2, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc P (bà P) trình bày: Vào năm 1981 bà Nguyễn Thị Ngọc P với ông Võ Điều H (ông H) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn, sau kết hôn bà P, ông H sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà P và ông H

sống ly thân từ tháng 02 năm 2015 đến nay. Trong quá trình chung sống bà P, ông H có hai người con chung tên: Võ Thị Ngọc M và Võ Thị Ngọc D, các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có;

Nay bà Nguyễn Thị Ngọc P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P xin được ly hôn với ông Võ Điều H.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành các con muốn sống với cha hay mẹ tùy ở các con lựa chọn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Võ Điều H hợp lệ, nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Võ Điều H vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị Ngọc P không yêu cầu hoãn phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, từ những ý kiến, yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Võ Điều H.

Xét yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P đối với ông Võ Điều H:

[2] Từ Sau khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Võ Điều H, nhưng ông H không trả lời thông báo thụ lý, không có mặt theo giấy triệu tập đề cung cấp lời khai, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn xin xác nhận ngày 24/5/2017 (Bút lục số: 37) Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã xác nhận bà

Nguyễn Thị Ngọc P và ông Võ Điều H sinh sống với nhau như vợ chồng từ năm 1981, không có đăng ký kết hôn, ông bà có hai con chung là Võ Thị Ngọc M và Võ Thị Ngọc D. Từ chứng cứ nêu trên có thể xác định, mặc dù giữa ông H và bà P không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng ông bà đã chung sống với nhau từ trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 và có với nhau hai người con chung. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ chung sống giữa ông H và bà P được xem như hôn nhân thực tế, do đó yêu cầu ly hôn của bà P được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2017 (Bút lục số: 36). Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng đã xác nhận: Bà Nguyễn Thị Ngọc P sinh sống tại địa phương từ trước năm 1981 cho đến nay, thời gian gần đây ông H thường hay uống rượu say ông H và bà P thường hay gây gổ, cãi nhau nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống khiến cho cuộc sống chung của họ không hạnh phúc, ông H và bà P đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay, nội dung xác minh này cũng phù hợp với lời trình bày của bà P tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2017. Từ những chứng cứ trên cho thấy trong quá trình chung sống với nhau bà P và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được tại phiên tòa hôm nay bà P cũng khẳng định cuộc sống chung của ông bà không có hạnh phúc, tình cảm không còn, ông, bà đã ly thân từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay. Từ thực trạng đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông H và bà P ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc P.

[4] Về con chung: Ngoài hai người con chung là Võ Thị Ngọc M và Võ Thị Ngọc D ông H và bà P không còn người con nào khác, các con chung của ông bà đã trưởng thành phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, có cuộc sống riêng độc lập nên vấn đề nghĩa vụ của cha mẹ đối với các con chung tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định bà và ông H không có thiếu nợ ai, tài sản chung ông bà tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham

gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng theo triệu tập của tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự

* Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc P được ly hôn với ông Võ Điều H.

2. Về con chung: Các con chung của bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Võ Điều H đã trưởng thành phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, có cuộc sống riêng độc lập nên vấn đề nghĩa vụ của cha mẹ đối với con Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc P xác định không có nợ chung, tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu, nên tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0006710 ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Võ Điều H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- UBND thị trấn Đ, huyện L.
- TAND tỉnh Sóc Trăng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hà